

Bản án số: 40/2020/HC-PT

Ngày: 25 - 11 - 2020

V/v “*kiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Nguyễn Thanh Long

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 217/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 8 năm 2020 về “*kiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 15-6-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 185/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Minh H, sinh năm 1962 và bà Lê Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, ông H có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Lê Thị T: Ông Lê Minh H, sinh năm 1962; địa chỉ ĐKTT: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên;

- Chủ tịch UBND thị xã S, tỉnh Phú Yên;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Trần Vạn H, chức vụ Chủ tịch UBND thị xã S, tỉnh Phú Yên; địa chỉ: thị xã S, tỉnh Phú Yên, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn C, chức vụ Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S, tỉnh Phú Yên, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; địa chỉ: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã X: Bà Nguyễn Thị Hồng N, chức vụ Công chức Địa chính – Xây dựng xã X, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S, tỉnh Phú Yên; địa chỉ: thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu H, chức vụ Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Lê Minh H.

NỘI DUNG:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc diện tích 274,5m² đất Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã S thu hồi là đất hành lang QL1A, ông H đổ đất nâng nền, sử dụng đến năm 2014 thì Nhà nước thực hiện chủ trương giải phóng mặt bằng mở rộng QL1A. Ngày 15/10/2014, UBND thị xã S có Quyết định số 4894/QĐ-UBND thu hồi 274,5m² loại đất trồng cây lâu năm, thửa số 38, tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 25; cùng ngày, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 4899/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường số 3189/PA-PTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất đối với các đối tượng bị ảnh hưởng, trong đó có phần đất của ông H. Ông H đã nhận được Thông báo số 3186A/TB-PTQĐ ngày 14/10/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất công khai giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ông 35% giá đất ở. Trong khi các hộ liên kề thì được hỗ trợ 50% giá đất ở, nên ngày 30/12/2014 ông H có đơn khiếu nại đến UBND thị xã S. Ngày 10/9/2015, ông H nhận được Quyết định số 3377/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết khiếu nại, không công nhận đơn khiếu nại của ông H. Do đó, vợ chồng ông H, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy quyết định số 3377/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Chủ tịch UBND thị xã S “Về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Minh H, thường trú tại khu phố L, phường X, thị xã S”; hủy một phần Quyết định số 4899/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 của UBND thị xã S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; hủy một phần phương án số 3189/PA-PTQĐ ngày 15/10/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Thông báo số 3186A/TB-PTQĐ ngày 14/10/2014 và Thông báo số 3239/TB-PTQĐ ngày 18/10/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S về việc công khai giá trị bồi thường, hỗ trợ; buộc UBND thị xã S hỗ trợ 50% giá đất ở đối với diện tích đất 274,5m² bị thu hồi.

2. Người bị kiện UBND thị xã S, Chủ tịch UBND thị xã S trình bày:

Ngày 15/10/2014, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 4894/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 274,5m² đất của ông Lê Minh H để thực hiện công trình mở rộng QL1A. Cùng ngày, UBND thị xã ban hành Quyết định số 4899/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường số 3189/PA-PTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất đối với các đối tượng bị ảnh hưởng, trong đó có phần đất của ông H. Ngày 14/10/2014, Trung tâm phát triển quỹ đất có Thông báo số 3186A/TB-PTQĐ hỗ trợ 35% giá đất ở cho ông Lê Minh H. Ngày 06/12/2014, ông H có đơn khiếu nại yêu cầu UBND thị xã phải hỗ trợ 50% giá đất ở. Ngày 06/7/2015 Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Quyết định số 3377/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, không công nhận đơn khiếu nại của ông H.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ giải quyết khiếu nại thì ông H không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nguồn gốc đất thuộc quyền sử dụng của mình. Diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận, trước đây là đất hành lang an toàn đường QL1A, nằm trùng hơn so với mặt đường và liền kề với diện tích đất ông H sử dụng. Năm 1989, ông H đổ đất nâng nền sử dụng ổn định, liên tục cho đến khi bị thu hồi đất nêu trên. Quá trình sử dụng không bị xử lý vi phạm hành chính, không có tranh chấp. Căn cứ Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì trường hợp của ông H được bồi thường theo loại đất trồng cây lâu năm. Theo khoản 2 Điều 19 Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh Phú Yên thì trường hợp ông H được hỗ trợ 35% giá đất ở trung bình của khu vực có đất bị thu hồi. Việc ông H so bì với các hộ liền kề như ông Toàn, bà Khuyết được hỗ trợ 50% là không có cơ sở, vì việc hỗ trợ đối với các hộ này chưa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất trình bày:

Trên diện tích 274,5m² đất ông H bị thu hồi giải tỏa mặt bằng thì tại thời điểm kiểm kê không có nhà ở hay công trình xây dựng nào. Điều này được thể hiện tại Bên bản kiểm kê và Biên bản tự kê khai của đại diện gia đình ông H. Phương án số 3189/PA-PTQĐ ngày 15/10/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất có nội dung “*Công trình xây dựng trước năm 2002*” tại phần của ông H là do sai sót trong quá trình đánh máy. Trung tâm phát triển quỹ đất thống nhất quan điểm giải quyết của UBND thị xã S.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã X trình bày:

Tại thời điểm kiểm kê trên diện tích 274,5m² đất ông H bị thu hồi, giải tỏa mặt bằng không có nhà ở và công trình xây dựng nào. Điều này thể hiện tại Biên bản kiểm kê và Biên bản tự kê khai. Biên bản họp xét quy chủ nguồn gốc đất đối với trường hợp ông Lê Minh H thể hiện “*Công trình xây dựng trước năm 2002*” là do sai sót trong quá trình lập biên bản. UBND xã X thống nhất quan điểm giải quyết

của UBND thị xã S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 và khoản 1 Điều 358 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 và Điều 48 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 19 của Quyết định 10/2013/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh Phú Yên.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Minh H, bà Lê Thị T về việc:

- Hủy quyết định số 3377/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Chủ tịch UBND thị xã S, về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Minh H, thường trú tại khu phố L, phường X, thị xã S;

- Hủy một phần Quyết định số 4899/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 của UBND thị xã S, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; hủy một phần Phương án số 3189/PA-PTQĐ ngày 15/10/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Thông báo số 3186A/TB-PTQĐ ngày 14/10/2014 và Thông báo số 3239/TB-PTQĐ ngày 18/10/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S về việc công khai giá trị bồi thường, hỗ trợ;

- Buộc UBND thị xã S hỗ trợ 50% giá đất ở đối với diện tích đất 274,5m² bị thu hồi.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí định giá và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 17/6/2020, ông Lê Minh H kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Minh H trình bày giữ nguyên đơn khởi kiện và kháng cáo. Ông H trình bày, diện tích 274,5m² đất Ủy ban nhân dân thị xã S thu hồi là đất hành lang QL1A; tuy nhiên, tôi đã đổ đất nâng nền và làm nhà ở. Nay Nhà nước thu hồi thì phải hỗ trợ 50% giá đất ở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của tôi.

Ông Phạm Văn C trình bày: Diện tích 274,5m² đất ông H đang sử dụng bị Ủy ban nhân dân thị xã S thu hồi là đất hành lang QL1A. Trên đất không có nhà ở và thực tế ông H không sinh sống ở đây. Nay Nhà nước thu hồi, ông H chỉ được hỗ trợ 35% giá đất ở. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông Lê Minh H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm.

+ *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông Lê Minh H là trong thời hạn luật định.

+ *Về nội dung vụ án*: Diện tích 274,5m² đất ông H sử dụng là do ông H bồi trúc vùng đất trũng nằm trong hành lang an toàn giao thông QL1A. Diện tích đất này ông H sử dụng nuôi tôm và trồng cây lâu năm, ngoài ra không có nhà ở cùng thửa đất. Do đó, ông H chỉ được hỗ trợ 35% giá đất ở trung bình tại khu vực có đất bị thu hồi. Ông H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông Lê Minh H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 17/6/2020, ông Lê Minh H kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Như vậy, kháng cáo của ông Lê Minh H là trong thời hạn luật định, do vậy được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 14/10/2014 và ngày 18/10/2014, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S ban hành Thông báo số 3186A/TB-PTQĐ và Thông báo số 3239/TB-PTQĐ về việc công khai giá trị bồi thường, hỗ trợ. Ngày 15/10/2014, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S ban hành Phương án số 3189/PA-PTQĐ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ngày 15/10/2014, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 4899/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ngày 06/7/2015, Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Quyết định số 3377/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Minh H, thường trú tại khu phố L, phường X, thị xã S. Ông Lê Minh H không đồng ý và khởi kiện, căn cứ Bản án hành chính phúc thẩm số 09/2018/HC-PT ngày 10/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thì các quyết định hành chính nêu trên được ban hành trong quá trình quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai là đối tượng khởi kiện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào quy định của pháp luật, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất diện tích 274,5m² đất của ông Lê Minh H đủ điều kiện được bồi thường về đất. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Lê Minh H không kháng

cáo và không bị kháng nghị về nội dung này. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét đối với diện tích, loại đất và giá đất bị thu hồi.

[3.2] Ông H kháng cáo của yêu cầu được hỗ trợ 50% giá đất ở đối với diện tích 274,5m² đất bị thu hồi, vì theo ông H diện tích đất ông bị thu hồi và diện tích 1500m² đất ông đã được cấp GCNQSDĐ là chung một thửa đất và trên thửa đất có nhà ở. Xét thấy: Bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg thể hiện 274,5m² đất thuộc thửa đất số 69; còn diện tích 1500m² đã được cấp GCNQSDĐ thuộc thửa đất số 68. Như vậy, hai diện tích đất này thuộc hai thửa đất khác nhau. Tại Biên bản làm việc ngày 06/3/2015 của Thanh tra thị xã S với ông Lê Minh H, thể hiện: “... Về nguồn gốc đất: ... Năm 2006 tôi có cho bà T thuê đất này nuôi trồng thủy sản, sau đó cất quán bán. Năm 2011 bà T trả lại mặt bằng cho tôi và thuê lại một phần trên phần quán mà bà T xây dựng trước đây (nhà sàn). Từ đó tôi tiếp tục sử dụng quán này để kinh doanh bán cơm cho khách ... Về hiện trạng trên đất hiện nay: Trong phạm vi thu hồi chỉ là đất trống và có phần công trình (quán bán cơm) nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng của dự án...” (bút lục số 354). Bà Đỗ Thị T sau khi thuê đất của ông H, ngày 25/6/2009 tiến hành xây dựng trái phép và bị lập biên bản xử phạt hành chính; ngày 29/7/2009, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động xây dựng đối với bà Đỗ Thị T (bút lục số 372, 374, 380). Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên lập và Bản đồ địa chính xã X, mảnh trích đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số ...-2020. Hệ tọa độ VN-2000, thôn H, tờ số 8 (500 578-3); tỷ lệ 1:2000 do Công ty TNHH tư vấn P.T.P.S Phú Yên đo đạc và do ông Lê Minh H cung cấp, thể hiện vợ chồng ông H đang sử dụng gồm 02 thửa đất và trên thửa đất bị thu hồi có công trình xây dựng khoảng 13m². Qua xem xét thẩm định tại chỗ và tranh tụng thể hiện công trình xây dựng 13m² không đủ điều kiện, chức năng được coi là nhà ở; còn ông H không chứng minh được đó là nhà ở. Hơn nữa, công trình xây dựng nêu trên do bà Đỗ Thị T xây dựng trái phép và bị xử phạt hành chính trong thời gian thuê đất của ông H. Nay ông H sử dụng thì không thể được coi là nhà ở. Bên cạnh đó, tại Biên bản kiểm kê đất đai, nhà công trình, mồ mả, cây cối, hoa màu trong khu vực bị thu hồi đất để thực hiện dự án: Mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km 1212+400-Km1265 tại xã X, thị xã S ngày 20/6/2014, đối với chủ hộ Lê Minh H, thể hiện: “... Đất đai bị thu hồi 274,5m², số thửa 38, tờ bản đồ 25 (đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư, đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư); nhà cửa, công trình, mồ mả, cây trồng, các loại cây khác bị giải tỏa: Không...” (bút lục số 74 đến 76). Thực tế, năm 1989 vợ chồng ông H được UBND huyện S có quyết định giao đất và cấp GCNQSDĐ với diện tích 150m² tại khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên và đã làm nhà ở sinh sống ổn định.

[3.3] Thời điểm tháng 10/2014 UBND thị xã S ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường cho ông H khi Luật Đất đai năm 2013 đã có hiệu lực pháp luật.

Việc UBND thị xã S không căn cứ vào Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn để áp dụng thi hành là chưa chính xác. Tuy nhiên, Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ có quy định về “hỗ trợ khác” và Chính phủ giao cho Chủ tịch UBND tỉnh xem xét hỗ trợ cho phù hợp thực tế của địa phương. Trong khi UBND tỉnh Phú Yên chưa ban hành quyết định để hướng dẫn về hỗ trợ và thay thế Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 23/4/2013, nên UBND thị xã S áp dụng Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh Phú Yên và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ để hỗ trợ cho ông Lê Minh H là có căn cứ.

[3.4] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, ông Lê Minh H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ làm thay đổi nội dung vụ án. Với những nội dung đã được phân tích tại các tiểu mục [3.1], [3.2] và [3.3] nêu trên, có căn cứ xác định: Trên diện tích 274,5m² đất ông Lê Minh H bị thu hồi không có nhà ở trong cùng thửa đất, do vậy UBND thị xã S hỗ trợ cho ông Lê Minh H 35% giá đất ở trung bình là có căn cứ. Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Lê Minh H, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Minh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông Lê Minh H, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 và khoản 1 Điều 358 của Luật Tổ tụng hành chính. Khoản 1 Điều 32 và Điều 48 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Minh H, bà Lê Thị T về việc:

- Hủy quyết định số 3377/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Chủ tịch UBND thị xã S, về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Minh H, thường trú tại khu phố L, phường X, thị xã S;

- Hủy một phần Quyết định số 4899/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 của UBND thị xã S, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; hủy một phần Phương án số 3189/PA-PTQĐ ngày 15/10/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Thông báo số 3186A/TB-PTQĐ ngày 14/10/2014 và Thông báo số 3239/TB-PTQĐ ngày 18/10/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S về việc công khai giá trị bồi thường, hỗ trợ;

- Buộc UBND thị xã S hỗ trợ 50% giá đất ở đối với diện tích đất 274,5m² bị thu hồi.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Minh H phải chịu 300.000đ, được trừ vào 300.000đ ông Lê Minh H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000147 ngày 25/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (ông H đã nộp đủ).

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến Nguyễn Thanh Long

Trần Quốc Cường